TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THOẠI SƠN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: **01**/2023/DS-ST Ngày 04/01/2023 V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Thắng;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Khuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 201/2022/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 về việc *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 322/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 266/2022/QĐST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

***** Nguyên đơn: **Bà NĐ**, sinh năm 1948;

Địa chỉ: số , tổ , ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

Người đại điện theo uỷ quyền của bà NĐ: Chị N, sinh năm 1997. Địa chỉ: ấp P, xã Định Mỹ, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. (Theo giấy uỷ quyền ngày 12/10/2022). Có mặt

* Bị đơn:

- **BĐ1**, sinh năm 1967; Vắng mặt.

- **BĐ2**, sinh năm 1966; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: tổ , ấp T, xã V, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 12/10/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà NĐ ủy quyền cho chị N trình bày như sau*:

Ngày 15/3/2020, bà NĐ có cho ông BĐ2 mượn số tiền 5.000.000đồng, không ghi biên nhận. Sau đó, bà BĐ1 có nhờ bà hốt dây hụi mà bà đang chơi để cho bà BĐ1 mượn một nữa và bà BĐ1 sẽ đóng lại tiền hụi chết cho mỗi tháng 1.000.000đồng nhưng đóng được 6 lần thì bà BĐ1 không đóng nữa. Hiện nay bà BĐ1 còn thiếu bà NĐ số tiền 19.000.000đồng. Tổng số tiền bà BĐ1 và ông BĐ2 còn nợ bà là 24.000.000đồng. Nay bà NĐ yêu cầu bà BĐ1 và ông BĐ2 liên đới trả số tiền 24.000.000đồng theo bản cam kết ngày 29/6/2022, không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị BĐ1 trình bày: Khoảng năm 2016, bà có vay của bà NĐ số tiền 10.000.000đồng, có ghi biên nhận và thỏa thuận lãi suất 500.000đồng/ tháng, sau đó bớt lãi còn 400.000đồng/ tháng. Bà đã trả được số tiền 5.000.000đồng, còn nợ lại 5.000.000đồng thì ngưng trả lãi. Sau đó, bà nhờ bà NĐ chơi hụi và hốt dùm bà để trả số tiền vay và lãi cho bà NĐ. Số tiền hụi bà NĐ hốt được 20 mấy triệu nhưng bà không nhớ cụ thể số tiền là bao nhiêu. Do không nhớ rõ cụ thể số tiền nên tại ban ấp bà NĐ yêu cầu bà trả số tiền 24.000.000đồng thì bà cũng thừa nhận số tiền đó. Bà thừa nhận còn nợ bà NĐ và đồng ý trả cho bà NĐ số tiền 24.000.000đồng. Nhưng hiện nay hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà xin trả dần 1.000.000đồng/ tháng. Số tiền nợ này của bà vay của bà NĐ để trả nợ cho cá nhân bà nên không liên quan gì tới ông BĐ2.

* Bị đơn BĐ2 đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa ngày hôm nay nhưng vắng mặt không có lý do. Ông BĐ2 không cung cấp tự khai cũng như tài liệu chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật theo

Điều 71 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do nên đã vi phạm Điều 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 tuyên: Buộc bà Nguyễn Thị BĐ1 có trách nhiệm trả cho bà NĐ số tiền 24.000.000đồng. Bà BĐ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Bà NĐ yêu cầu ông BĐ2 và bà BĐ1 trả số tiền nợ vay 24.000.000đồng (hai mươi bốn triệu đồng). Do đó, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông BĐ2 và bà BĐ1 đang cư trú tại tổ 5, ấp Trung Phú 5, xã Vĩnh Phú, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: BĐ2 và bà Nguyễn Thị BĐ1 (là bị đơn trong vụ án) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông BĐ2 và bà BĐ1.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với yêu cầu khởi kiện của bà NĐ, HĐXX xét thấy:

Căn cứ vào bản cam kết ngày 29/6/2022 nguyên đơn cung cấp và sự thừa nhận của bị đơn bà BĐ1, thể hiện bà BĐ1 còn nợ bà NĐ số tiền 24.000.000đồng. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bà BĐ1 có vay của bà NĐ số tiền 24.000.000đồng.

Từ khi ký cam kết trả nợ tới nay, bà BĐ1 không trả nợ cho bà NĐ. Bà BĐ1 không trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều

466 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà NĐ về việc yêu cầu bà BĐ1 trả số tiền 24.000.000đồng là có cơ sở nên được HĐXX chấp nhận.

Về trách nhiệm liên đới trả nợ của ông BĐ2: Tại biên bản hòa giải ngày 29/6/2022 tại Văn phòng ấp Trung Phú 5, bà NĐ chỉ yêu cầu bà BĐ1 trả nợ. Ngoài ra, bà BĐ1 trình bày số tiền nợ này là của cá nhân bà BĐ1, không liên quan gì tới ông BĐ2 và bà NĐ cũng không có chứng cứ gì chứng minh ông BĐ2 có vay tiền của bà. Do đó, bà NĐ yêu cầu ông BĐ2 cùng có nghĩa vụ liên đới với bà BĐ1 trả số tiền nợ vay là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi: nguyên đơn bà NĐ không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[3] Lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về nội dung giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận một phần nên bà BĐ1 phải chịu nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

* **Tuyên xử**:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà NĐ:

Buộc bà Nguyễn Thị BĐ1 có trách nhiệm trả cho bà NĐ số tiền 24.000.000đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

- Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà NĐ đối với yêu cầu ông BĐ2 cùng có nghĩa vụ liên đới với bà BĐ1 trả số tiền 24.000.000đồng (hai mươi bốn triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà BĐ1 phải chịu 1.200.000đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tiền tạm ứng án phí: Bà NĐ thuộc trường hợp được miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà NĐ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà BĐ1 và ông BĐ2 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND h.Thoại Sơn;
- Chi cục THADS h.Thoại Sơn;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu HS, VP.

Mai Thị Vân